

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỤC CHÍNH SÁCH - XÃ HỘI	
VĂN BẢN ĐIỆN TỬ ĐỀN	Số: 4378
	Ngày: 25/02/2026
	Chuyên:.....

THÔNG TƯ

Thông tư hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

Thông tư số 95/2016/TT-BQP ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ¹.

¹ Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 27/2016/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ.
2. Thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ, gồm: Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng; người nuôi dưỡng hợp pháp; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ.
3. Các cơ quan, đơn vị trong Bộ Quốc phòng và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 3. Thanh toán bằng tiền đối với những ngày không thể giải quyết cho nghỉ phép quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP

Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ đủ Điều kiện được nghỉ phép năm theo quy định nhưng do yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu hoặc ở những nơi Điều kiện đi lại khó khăn không thể giải quyết cho nghỉ phép thì được thanh toán chế độ nghỉ phép như sau:

1. Mức tiền thanh toán cho một ngày không nghỉ phép bằng mức tiền ăn cơ bản một ngày của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh theo quy định tại thời Điểm không nghỉ phép; số ngày được thanh toán cao nhất của mỗi hạ sĩ quan, binh sĩ là 10 ngày. Không được thanh toán tiền tàu, xe, tiền phụ cấp đi đường và thời gian được tính là ngày đi đường.
2. Thủ trưởng cấp trung đoàn và tương đương trở lên chịu trách nhiệm xem xét, quyết định đối với các trường hợp được thanh toán chế độ nghỉ phép tại đơn vị.

Căn cứ Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách."

3. Không giải quyết chế độ thanh toán bằng tiền đối với các trường hợp đủ Điều kiện được nghỉ phép đặc biệt quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP.

Điều 4. Chế độ phụ cấp thêm do kéo dài thời gian phục vụ tại ngũ quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP

1. Hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định kéo dài thời gian phục vụ tại ngũ theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 thì từ tháng thứ 25 trở đi, hằng tháng được hưởng thêm 250% phụ cấp quân hàm hiện hưởng. Cách tính hưởng như sau:

2.

$$\begin{array}{l} \text{Phụ cấp được} \\ \text{hưởng từ tháng thứ} \\ \text{25 trở đi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Phụ cấp quân} \\ \text{hàm hiện hưởng} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Phụ cấp kéo dài thời gian} \\ \text{phục vụ} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Phụ cấp kéo dài} \\ \text{thời gian phục vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Phụ cấp quân} \\ \text{hàm hiện hưởng} \end{array} \times 250\%$$

2. Chế độ phụ cấp thêm hưởng dẫn tại khoản 1 Điều này, không áp dụng đối với hạ sĩ quan, binh sĩ đang chờ chuyển chế độ quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng; chờ đi học, dự thi tuyển sinh; đang học ở các học viện, nhà trường trong, ngoài Quân đội và các trường hợp khác.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự, trách nhiệm và nguyên tắc giải quyết chế độ trợ cấp khó khăn đột xuất quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP

1. Hồ sơ xét hưởng chế độ:

a) Bản khai đề nghị trợ cấp khó khăn đột xuất (Mẫu số 01 kèm theo Thông tư này) có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) nơi thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ thường trú².

² Cụm từ “cư trú” được thay thế bằng cụm từ “thường trú” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

b) Trường hợp nếu thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ có các loại giấy tờ như: Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về mức độ thiệt hại vật chất khi bị sập nhà, trôi nhà, cháy nhà hoặc phải di dời chỗ ở hoặc thân nhân ốm đau dài ngày từ một tháng trở lên; giấy ra viện của cơ sở y tế nơi thân nhân Điều trị; giấy báo tử của thân nhân hy sinh; giấy chứng tử của thân nhân từ trần hoặc mất tích hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã gửi cho hạ sĩ quan, binh sĩ thì bản khai đề nghị trợ cấp khó khăn đột xuất kèm theo các loại giấy đó, không phải xin xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã như quy định tại điểm a khoản này.

2. Trình tự và trách nhiệm giải quyết chế độ:

a) Hạ sĩ quan, binh sĩ:

- Làm bản khai đề nghị trợ cấp khó khăn đột xuất;
- Nộp bản khai và các loại giấy tờ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này cho cấp đại đội, tiểu đoàn hoặc tương đương.

Trường hợp bản khai chưa có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc chưa có các loại giấy tờ kèm theo thì nộp bản khai cho cấp đại đội, tiểu đoàn hoặc tương đương để các cấp xét duyệt, giải quyết trợ cấp, sau đó hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 30 ngày (kể từ ngày được giải quyết trợ cấp) nộp cho cơ quan tài chính thanh quyết toán theo quy định; hết thời hạn trên nếu hạ sĩ quan, binh sĩ không hoàn thiện đủ hồ sơ thì phải hoàn trả lại số tiền trợ cấp đã nhận.

b) Đơn vị quản lý hạ sĩ quan, binh sĩ:

- Cấp đại đội, tiểu đoàn hoặc tương đương: Tiếp nhận bản khai và các loại giấy tờ do hạ sĩ quan, binh sĩ nộp; tổng hợp, kiểm tra và đề nghị cấp trên trực tiếp trong thời hạn không quá 01³ ngày làm việc; nhận và chi trả chế độ trợ cấp khó khăn cho hạ sĩ quan, binh sĩ khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Cấp trung đoàn hoặc tương đương: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của đơn vị cấp dưới, hoàn thành việc xem xét, quyết định trợ cấp khó khăn đột xuất cho hạ sĩ quan, binh sĩ.

c) Cơ quan Chính trị (Chính sách) các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức phổ biến, quán triệt, hướng dẫn cho hạ sĩ quan, binh sĩ về chế độ, trình tự thực hiện; chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện; hằng năm lập dự toán kinh phí bảo đảm chế độ trợ cấp khó khăn đột xuất vào dự toán kinh phí của cơ quan, đơn vị, gửi Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính và Cục Chính sách-Xã hội⁴); xác nhận, quản lý, thanh quyết toán theo quy định.

³ Cụm từ “02 ngày làm việc” được thay thế bằng cụm từ “01 ngày làm việc” theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 113/2024/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 5 năm 2024.

⁴ Cụm từ “Cục Chính sách” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các

3. Nguyên tắc giải quyết chế độ khó khăn đột xuất: Khi nhà ở của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ gặp tai nạn, hỏa hoạn, thiên tai bị sập nhà, trôi nhà, cháy nhà hoặc phải di dời chỗ ở hoặc tài sản bị hư hỏng, thiệt hại nặng về kinh tế thì được trợ cấp không quá 02 lần/năm đối với mỗi hạ sĩ quan, binh sĩ; khi thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ ốm đau từ một tháng trở lên hoặc Điều trị một lần tại bệnh viện theo quy định được trợ cấp không quá 02 lần trong một năm đối với mỗi thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ.

Ví dụ 1: Đồng chí Hạ sĩ Nguyễn Văn An, năm 2016 có con bị ốm phải Điều trị tại bệnh viện. Cụ thể như sau: Lần 1 từ ngày 02 đến ngày 12 tháng 8; lần 2 từ ngày 05 đến ngày 15 tháng 10; theo quy định, con đồng chí An được trợ cấp 02 lần, mỗi lần bằng 500.000 đồng.

Ví dụ 2: Cũng đối tượng nêu ở ví dụ 1, năm 2016 mẹ đồng chí An bị ốm phải Điều trị tại bệnh viện. Cụ thể như sau: Lần 1 từ ngày 02 đến ngày 10 tháng 9; lần 2 từ ngày 05 đến ngày 15 tháng 12; theo quy định, mẹ đồng chí An được trợ cấp 02 lần, mỗi lần bằng 500.000 đồng.

Ví dụ 3: Cũng đối tượng nêu ở ví dụ 1, năm 2016 gia đình đồng chí An có nhà ở bị sập do lũ quét. Theo quy định, gia đình đồng chí An được trợ cấp mức 3.000.000 đồng.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự, trách nhiệm giải quyết và thời gian hưởng chế độ miễn học phí quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP

Chế độ miễn, giảm học phí của con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021. Hồ sơ, trình tự, trách nhiệm và thời gian hưởng chế độ được thực hiện như sau:

1. Hồ sơ xét hưởng chế độ:

a) Bản khai đề nghị hưởng chế độ miễn học phí (Mẫu số 02 kèm theo Thông tư này);

b) Giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí (Mẫu số 3 kèm theo Thông tư này).

2. Trình tự, trách nhiệm giải quyết chế độ:

a) Hạ sĩ quan, binh sĩ:

- Làm bản khai đề nghị hưởng chế độ miễn học phí;

- Nộp bản khai cho cấp đại đội, tiểu đoàn hoặc tương đương;

-⁵ Nhận giấy chứng nhận và giao cho hạ sĩ quan, binh sĩ (trường hợp hạ sĩ quan, binh sĩ nhận trực tiếp).

- Nhận giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí và gửi về gia đình nộp cho cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập và ngoài công lập.

b) Cấp đại đội, tiểu đoàn hoặc tương đương:

- Tiếp nhận bản khai do hạ sĩ quan, binh sĩ nộp;

- Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, tổng hợp, kiểm tra và đề nghị cấp trên trực tiếp giải quyết;

- Nhận giấy chứng nhận và giao cho hạ sĩ quan, binh sĩ.

2. Sửa đổi bổ sung điểm c khoản 2 Điều 6 Thông tư số 95/2016/TT-BQP được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2024/TT-BQP như sau:

c)⁶ Cấp trung đoàn hoặc tương đương: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của đơn vị cấp dưới, hoàn thành việc xem xét, cấp giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí bằng hình thức trực tiếp hoặc trên môi trường điện tử”.

3. Thời gian hưởng chế độ:

a) Thời gian hưởng chế độ miễn học phí đối với con của hạ sĩ quan, binh sĩ được tính trong khoảng thời gian từ ngày cấp giấy chứng nhận đến hết thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ.

b) Trường hợp trong thời gian tại ngũ, nếu phát sinh đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí thì hạ sĩ quan, binh sĩ lập bản khai bổ sung; thời gian hưởng chế độ tương ứng với thời gian tại ngũ còn lại của hạ sĩ quan, binh sĩ.

Điều 7. Chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp xuất ngũ một lần, trợ cấp thêm do kéo dài thời gian phục vụ tại ngũ, trợ cấp tạo việc làm quy định tại Điều 7 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP

1. Chế độ bảo hiểm xã hội:

a) Thời gian phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ được tính là thời gian đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) để làm cơ sở tính hưởng các chế độ BHXH theo quy định.

⁵ Đoạn này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

⁶ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

b) Trường hợp trước khi nhập ngũ, có thời gian làm việc, đóng BHXH bắt buộc tại cơ quan Nhà nước, tổ chức, cơ sở kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, nếu xuất ngũ về địa phương thì được cộng nối thời gian công tác có đóng BHXH trước đó với thời gian tại ngũ để tính hưởng chế độ BHXH theo quy định và do Bảo hiểm xã hội Quân đội⁷ giải quyết.

c) Trường hợp trước khi nhập ngũ có thời gian làm việc, đóng BHXH bắt buộc tại cơ quan Nhà nước, tổ chức, cơ sở kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, sau đó xuất ngũ về cơ quan cũ hoặc các cơ quan Nhà nước, tổ chức, cơ sở kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, tiếp tục đóng BHXH thì được cộng thời gian trước đó với thời gian tại ngũ và thời gian công tác có đóng BHXH sau này để làm cơ sở tính hưởng các chế độ BHXH theo quy định. Cụ thể như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng} & & \text{Thời gian} & & & & \\ \text{thời gian} & & \text{đóng BHXH cơ} & & \text{Thời} & & \text{Thời gian đóng BHXH} \\ \text{tính} & = & \text{quan, tổ chức} & + & \text{gian phục vụ} & & \text{cơ quan, tổ chức bên ngoài} \\ \text{hưởng} & & \text{bên ngoài Quân} & & \text{tại ngũ} & & \text{Quân đội (sau khi xuất ngũ)} \\ \text{BHXH} & & \text{đội (trước khi} & & & & \\ & & \text{nhập ngũ)} & & & & \end{array}$$

2. Trợ cấp xuất ngũ một lần:

a) Ngoài chế độ BHXH được hưởng theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều này, hạ sĩ quan, binh sĩ khi xuất ngũ được trợ cấp xuất ngũ một lần, cứ mỗi năm phục vụ trong Quân đội (đủ 12 tháng) được trợ cấp bằng 02 tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ tại thời Điểm xuất ngũ. Cụ thể:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trợ cấp} & & \text{Số năm phục} & & \text{02} & & \text{tháng} \\ \text{xuất ngũ một} & = & \text{vụ tại ngũ} & \times & \text{tiền lương cơ sở} \\ \text{lần} & & & & & & \end{array}$$

Trường hợp có tháng lẻ tính như sau:

- Dưới 01 tháng không được hưởng trợ cấp xuất ngũ;

⁷ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

- Từ đủ 01 tháng đến đủ 06 tháng được hưởng trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương cơ sở;

- Từ trên 06 tháng đến 12 tháng được hưởng trợ cấp bằng 02 tháng tiền lương cơ sở.

b) Trường hợp hạ sĩ quan, binh sĩ được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cho xuất ngũ trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015; được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự thì được hưởng chế độ trợ cấp xuất ngũ một lần theo quy định tại điểm a khoản này.

3. Trợ cấp thêm do kéo dài thời gian phục vụ tại ngũ: Hạ sĩ quan, binh sĩ có thời gian phục vụ tại ngũ kéo dài theo quy định, khi xuất ngũ được trợ cấp thêm như sau:

a) Thời gian phục vụ tại ngũ từ tháng thứ 25 đến dưới 30 tháng được trợ cấp thêm 01 tháng phụ cấp quân hàm hiện hưởng;

b) Thời gian phục vụ tại ngũ đủ 30 tháng được trợ cấp thêm 02 tháng phụ cấp quân hàm hiện hưởng.

Ví dụ 4: Đồng chí Nguyễn Văn Anh, nhập ngũ tháng 5 năm 2014, xuất ngũ tháng 8 năm 2016. Trợ cấp xuất ngũ một lần của đồng chí Nguyễn Văn Anh được hưởng như sau:

- Tổng thời gian phục vụ tại ngũ là 02 năm 04 tháng (28 tháng).

- Số năm phục vụ tại ngũ (02 năm): 02 năm = 04 tháng tiền lương cơ sở.

- Số tháng lẻ phục vụ tại ngũ (04 tháng) = 01 tháng tiền lương cơ sở.

Cộng = 05 tháng tiền lương cơ sở.

- Trợ cấp thêm do kéo dài thời gian phục vụ tại ngũ: 01 tháng phụ cấp quân hàm hiện hưởng.

4. Trợ cấp tạo việc làm:

a) Hạ sĩ quan, binh sĩ hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 khi xuất ngũ, được trợ cấp tạo việc làm bằng 06 tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ tại thời Điểm xuất ngũ.

b) Hạ sĩ quan, binh sĩ được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cho xuất ngũ trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015; được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự thì được hưởng trợ cấp tạo việc làm theo quy định tại điểm a khoản này.

Điều 8. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách hướng dẫn tại Thông tư này do ngân sách Trung ương bảo đảm và bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Quốc phòng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng: Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền triển khai thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 27/2016/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Các cơ quan chức năng Bộ Quốc phòng:

a) Cục Chính sách - Xã hội⁸, Tổng cục Chính trị chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng Bộ Quốc phòng chỉ đạo, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 27/2016/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này; giải quyết các vướng mắc, phát sinh.

b) Cục Quân lực, Bộ Tổng Tham mưu phối hợp với các cơ quan chức năng Bộ Quốc phòng chỉ đạo, kiểm tra, giải quyết vướng mắc, phát sinh trong thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 27/2016/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Cục Tài chính, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí; kiểm tra, thanh quyết toán theo quy định.

d) Bảo hiểm xã hội Quân đội⁹ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn, thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 10. Điều khoản thi hành¹⁰

⁸ Cụm từ “Cục Chính sách” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chính sách-Xã hội” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

⁹ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹⁰ Điều 19, Điều 20 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

2. Thay thế một số cụm từ sau:

a) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại các điều, khoản, điểm sau đây:

- Tại điểm b khoản 3 Mục II Thông tư liên tịch số 27/2004/TTLT-BQP-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2004 của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 215/2003/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng trực tiếp làm công tác quản lý giáo dục, chăm sóc khám chữa bệnh hoặc đấu tranh với các đối tượng nhiễm HIV/AIDS;

- Tại Điều 4, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 53/2024/TT-BQP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.
2. Chế độ, chính sách quy định tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.
3. Thông tư số 213/2006/TT-BQP ngày 23 tháng 12 năm 2006 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 122/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ; Thông tư số 75/2009/TT-BQP ngày 18 tháng 9 năm 2009 của Bộ Quốc phòng sửa đổi, điều chỉnh một số chế độ phụ cấp, trợ cấp và định mức chi tiêu trong Quân đội; khoản 2 Điều 5 Thông tư số 11/2012/TT-BQP ngày 20 tháng 02 năm 2012 của Bộ Quốc phòng quy định về việc thực hiện xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam và Thông tư liên tịch số 20/2012/TTLT-BQP-BTC ngày 06 tháng 3 năm 2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 88/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng

b) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại các điều, khoản, điểm sau đây:

- Tại điểm a, điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 7 Thông tư số 06/2015/TT-BQP ngày 19 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định, hướng dẫn vận động đóng góp, quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa trong Bộ Quốc phòng;

- Tại khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 53/2024/TT-BQP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

3. Các mẫu giấy tờ là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận của đối tượng chính sách trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được giải quyết theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nhận hồ sơ.

4. Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (khi có đủ điều kiện) theo quy định tại Thông tư này được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ điện tử, kê khai mẫu đơn, tờ khai điện tử theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến;

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được kết nối, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính khai thác thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin theo quy định pháp luật và bổ sung giấy tờ, tài liệu vào thành phần hồ sơ của cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp, xuất trình những giấy tờ, tài liệu này.

5. Đối với đối tượng công an nhân dân đề nghị hưởng chế độ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa được xét duyệt, ra quyết định hưởng chế độ thì trách nhiệm, trình tự giải quyết thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nhận hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Bộ, ngành, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị) để xem xét, giải quyết./.”

9 năm 2011 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với gia đình hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định số 27/2016/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

4. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, chỉ huy các cơ quan, đơn vị trong Bộ Quốc phòng và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách-Xã hội¹¹/Tổng cục Chính trị) để được xem xét, giải quyết./. 

BỘ QUỐC PHÒNG

Số: **30** /VBHN-BQP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày **24** tháng **02** năm 2026

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các đ/c Lãnh đạo BQP;
- BTMM, TCCT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- C79, C20, C41, C56, C12, C13, C85, C29⁽⁰⁵⁾;
- Công TTĐT BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, NCTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu

¹¹ Cụm từ “Cục Chính sách” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

PHỤ LỤC IV¹²**DANH MỤC CÁC LOẠI MẪU BIỂU**

(Kèm theo Thông tư số /2024/TT-BQP ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Số TT	Nội dung	Mẫu biểu
1	Bản khai đề nghị trợ cấp khó khăn đột xuất	Mẫu số 01
2	Bản khai đề nghị hưởng chế độ miễn học phí.	Mẫu số 02
3	Giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí.	Mẫu số 03

¹² Phụ lục này được thay thế bằng Phụ lục IV theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 113/2024/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 5 năm 2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

Đề nghị trợ cấp khó khăn đột xuất

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BQP ngày 28 tháng 6 năm 2016
của Bộ Quốc phòng)*

Kính gửi:(1)

Họ và tên của hạ sĩ quan, binh sĩ:

Số định danh cá nhân:

Nhập ngũ: Tháng năm

Cấp bậc: Chức vụ:

Đơn vị:

Nơi thường trú của gia đình:

Lý do đề nghị trợ cấp khó khăn:

.....

..... (2)

Đề nghị Thủ trưởng các cấp xem xét, giải quyết chế độ trợ cấp khó khăn đột xuất cho gia đình tôi theo quy định hiện hành./.

XÁC NHẬN CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(PHƯỜNG)
(Ký tên, đóng dấu)

.....ngày tháng
 năm
NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Thủ trưởng cấp trung đoàn và tương đương.

(2) Ghi rõ lý do: Nhà ở bị sập, trôi nhà, cháy nhà hoặc gia đình phải di dời chỗ ở; có bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng; vợ hoặc chồng; con ốm đau dài ngày từ một tháng trở lên hoặc Điều trị một lần tại bệnh viện từ 7 ngày trở lên hoặc thân nhân hy sinh, tử nạn, mất tích.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

Đề nghị hưởng chế độ miễn học phí

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BQP ngày 28 tháng 6 năm 2016
của Bộ Quốc phòng)*

Họ và tên của hạ sĩ quan, binh sĩ:

Số định danh cá nhân:

Nhập ngũ: Tháng năm.....

Cấp bậc: Chức vụ:

Đơn vị:

Họ và tên con của hạ sĩ quan, binh sĩ (chữ in hoa):

Sinh ngày: tháng năm Nam, Nữ

Học sinh lớp: Trường:

Xã (phường)¹³ tỉnh (TP).....

Đề nghị Thủ trưởng đơn vị xác nhận để thực hiện chế độ miễn học phí cho con
tôi theo quy định hiện hành./.

....., ngày tháng năm

.....
NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹³ Cụm từ “huyện (quận)” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 14 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Mẫu số 03

.....(1)
(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BQP ngày tháng năm 2024
 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)*

Kính gửi: Ban Giám hiệu Trường.....

Xã (phường)¹⁴

Tỉnh (thành phố)

..... (2) chứng nhận và giới thiệu:

Họ và tên con của hạ sĩ quan, binh sĩ (chữ in hoa):

Sinh ngày tháng năm Nam, Nữ.....

Học sinh lớp: Trường:

Xã (phường).....¹⁵tỉnh (TP)

Là con của đồng chí:

Nhập ngũ: tháng.....năm.....

Cấp bậc:Chức vụ:

Đơn vị:

¹⁴ Cụm từ “huyện (quận)” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 14 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹⁵ Cụm từ “huyện (quận)” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 14 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Đề nghị Ban Giám hiệu Trường thực hiện chế độ miễn học phí cho cháu từ tháng năm ... đến tháng năm theo quy định hiện hành./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Đơn vị cấp trên của đơn vị có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí.

(2) Đơn vị có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí (cấp trung đoàn và tương đương).

PHÒNG